

Bản án số: 429/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2025

V/v tranh chấp: “ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Bạch Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1989 (*Có mặt*)

Thường trú: 314/141/3 đường A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện nay: 288/34 đường D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1985 (*Có mặt*)

Thường trú: 314/141/3 đường A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Thị Cẩm T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/KH, quyền số 01/2010 của Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8 (nay là phường Chánh Hưng), Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 13/4/2010. Bà và ông T chung sống có hai con chung tên Lê Thiệt Tr (nam), sinh ngày 11/12/2012 và Lê Võ Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 23/6/2022. Sau thời gian chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không thể hòa hợp. Từ khoảng đầu năm 2025, dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân, không còn sinh hoạt chung và đến tháng 6/2025 thì bà và bé Lê Võ Ngọc Tr đã chuyển ra sống riêng tại phòng trọ cùng mẹ ruột của bà, từ đó mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Dù hai bên đã cố gắng nhiều lần

hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Võ Ngọc Tr và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý giao trẻ Lê Thiện Tr cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Bản tự khai ngày 01/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Quốc T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị Cẩm T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/KH, quyển số 01/2010 của Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8 (nay là phường Chánh Hưng), Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 13/4/2010.

Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông đồng ý ly hôn vì nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, không còn tình cảm. Tuy nhiên, lý do bà T đưa ra để yêu cầu ly hôn là không đúng sự thật. Sự thật là bà Trần có quan hệ tình cảm với người thứ ba nên mới quyết định ly hôn để có cuộc sống mới với người đó.

Về con chung: Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Lê Thiện Tr và trẻ Lê Võ Ngọc Tr. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông nhận thấy mình có điều kiện kinh tế tốt hơn bà T, thu nhập của ông cao và ổn định hơn bà T, hàng tháng thu nhập trung bình của ông khoảng 35.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định, các con đã quen môi trường sống. Ông làm công việc lái xe công nghệ nên có thể thu xếp thời gian tốt hơn để chăm sóc các con. Ngoài ra, ông sống cùng em gái, em gái ông làm việc tại nhà nên có người để phụ chăm con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Cẩm T tại Tòa án về tài sản chung có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn là bà Võ Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Về lý do ly hôn do bà nhận thấy vợ chồng đã không còn sự thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bỏn phận người đó, mạnh ai nấy sống chứ không phải vì bà có quan hệ tình cảm với người thứ ba như ông T trình bày.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có hai con chung tên Lê Thiện Tr và Lê Võ Ngọc Tr. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Võ Ngọc Tr vì con chung còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, hơn nữa cháu Tr lại là bé gái nên mẹ chăm sóc sẽ phù hợp hơn. Tuy hiện nay bà đang phải thuê trọ nhưng phòng trọ an ninh tốt, có môi trường sạch sẽ, an toàn cho con sinh sống; thu nhập trung bình hàng tháng của bà khoảng 15.000.000 đồng từ công việc nhân viên bán mỹ phẩm tại cửa hàng nên có đủ kinh tế để đảm bảo lo cho cuộc sống của con, cho con ăn học đầy đủ; bà có thời gian để chăm sóc con chung và có sự hỗ trợ từ mẹ ruột đã chăm sóc cháu từ nhỏ; trẻ Lê Võ Ngọc Tr hiện đang học tại trường mầm non Bình Minh tại hẻm 154 Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà đồng ý giao trẻ Lê Thiện Tr cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng vì bà tôn trọng ý kiến của con muốn được ở cùng ba, đồng thời bé là con trai nên ông Tr chăm sóc sẽ phù hợp hơn để phát triển tâm sinh lý của bé.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông Trung cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Võ Ngọc Tr và bà cũng không cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thiện Tr.

Bà vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn là ông Lê Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trân vì nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, không còn tình cảm.

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Thiện Tr và Lê Võ Ngọc Tr. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Từ nhỏ hai con đã quen sống tại nhà ông nên nếu ông được trực tiếp nuôi dưỡng các con thì các con vẫn được sống trong môi trường quen thuộc, không bị xáo trộn nhiều về nơi ở, nơi học. Xét về thu nhập kinh tế hay thời gian chăm sóc con, ông nhận thấy mình đều có điều kiện tốt hơn bà T nên việc giao hai con cho ông nuôi dưỡng là hợp lý.

Ông và bà T có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Võ Thị Cẩm T, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại địa chỉ 314/141/3 đường A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân không tham gia phiên tòa.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/KH, quyền số 01/2010 của Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8 (nay là phường Chánh Hưng), Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 13/4/2010 nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T và ông T cùng thừa nhận cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau, khả năng hàn gắn không còn. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, do đó, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T.

[2.2] Về con chung: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T có hai con chung tên Lê Thiện Tr (nam), sinh ngày 11/12/2012 và Lê Võ Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 23/6/2022.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T và ông T đã thỏa thuận được ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lê Thiện Tr sau khi ly hôn, đồng thời trẻ Tr cũng có nguyện vọng được sống cùng ba. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là Lê Thiện Tr cho ông T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về người con chung tên Lê Võ Ngọc Tr, bà T và ông T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con. Theo trình bày của bà T và ông T, ông bà đều có thu nhập ổn định, đủ kinh tế để nuôi con; có chỗ ở phù hợp cho con học tập, phát triển. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ. Người con chung tên Lê Võ Ngọc Tr còn nhỏ, mới được 39 tháng, lại là giới tính nữ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ khi ly thân đến nay, trẻ Tr vẫn do bà T chăm sóc nuôi dưỡng dưới sự hỗ trợ của mẹ ruột bà T. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà T có yêu cầu là phù hợp. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản quy định tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T xác định có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thiện Tr (nam), sinh ngày 11/12/2012 cho ông Lê Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T xác định có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Cẩm T.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Võ Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 23/6/2022 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0074088 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Quốc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 10 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

